A Bible Book Names List English to Tiêng Viêt – Vietnamese

Cựu Ước - Old Testament

Genesis - Sáng-thế Ký

Exodus - Xuất Ê-díp-tô Ký

Leviticus - Lê-vi Ký

Numbers - Dân-số Ký

Deuteronomy - Phục-truyền Luật-lệ Ký

Joshua - Giô-suê

Judges - Các Quan Xét

Ruth - Ru-tơ

1 Samuel - 1 Sa-mu-ên

2 Samuel - 2 Sa-mu-ên

1 Kings - 1 Các Vua

2 Kings - 2 Các Vua

1 Chronicles - 1 Sử-ký

2 Chronicles - 2 Sử-ký

Ezra - Ê-xơ-ra

Nehemiah - Nê-hê-mi

Esther - Ê-xơ-tê

Job - Gióp

Psalms - Thi-thiên

Proverbs - Châm-ngôn

Eccclesiastes - Truyền-đạo

Song of Solomon - Nhã-ca

Isaiah - Ê-sai

Jeremiah - Giê-rê-mi

Lamentations - Ca-thương

Ezekiel - Ê-xê-chi-ên

Daniel - Đa-ni-ên

Hosea - Ô-sê

Joel - Giô-ên

Amos - A-mốt

Obadiah - Áp-đia

Jonah - Giô-na

Micah - Mi-chê

Nahum -Na-hum

Habakkuk - Ha-ba-cúc

Zephaniah - Sô-phô-ni

Haggai - A-ghê

Zechariah - Xa-cha-ri

Malachi - Ma-la-chi

Tân Ước - New Testament

Matthew - Ma-thi-ơ

Mark - Mác

Luke - Lu-ca

John - Giăng

Acts - Công-vụ các Sứ-đồ

Romans - Rô-ma

1 Corinthians - 1 Cô-rinh-tô

2Corinthians - 2 Cô-rinh-tô

Galatians - Ga-la-ti

Ephesians - Ê-phê-sô

Philippians - Phi-líp

Colossians - Cô-lô-se

1 Thessalonians - 1 Tê-sa-lô-ni-ca

2 Thessalonians - 2 Tê-sa-lô-ni-ca

1 Timothy - 1 Ti-mô-thê

2 Timothy - 2 Ti-mô-thê

Titus - Tít

Philemon - Phi-lê-môn

Hebrews - Hê-bơ-rơ

James - Gia-cơ

1 Peter - 1 Phi-e-rơ

2 Peter - 2 Phi-e-rơ

1 John - 1 Giăng

2 John - 2 Giăng

3 John - 3 Giăng

Jude - Giu-đe

Revelation - Khải-huyền